

ỦY BAN DÂN TỘC**ỦY BAN DÂN TỘC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2014/TT-UBDT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban dân tộc***Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;**Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;**Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;**Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;**Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,**Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc.***Chương I**
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là văn bản QPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc, bao gồm:

1. Luật, pháp lệnh do Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi là Ủy ban) được giao chủ trì soạn thảo trình Chính phủ để Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, quyết định do Ủy ban được giao chủ trì soạn thảo để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi là Bộ trưởng, Chủ nhiệm) ban hành; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Chủ nhiệm với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban.

Điều 3. Công bố, đưa tin và gửi văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm, ra thông cáo báo chí

1. Sau khi văn bản QPPL được ký ban hành, Vụ, đơn vị chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban gửi Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban để đăng tải; tổ chức công bố, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

2. Sau khi văn bản QPPL được ký ban hành, Văn phòng Ủy ban phải gửi đến cơ quan nhà nước cấp trên, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội hữu quan và Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư Pháp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản QPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do Ủy ban chủ trì soạn thảo được ký ban hành, Vụ, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi thông tin (nêu rõ tên văn bản, ngày, tháng, năm ban hành; cơ quan ban hành; hiệu lực thi hành; sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của văn bản QPPL) đến Bộ Tư pháp để ra thông cáo báo chí theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Phổ biến giáo dục pháp luật và Thông tư số 12/2013/TT-BTP ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc

1. Văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm và văn bản QPPL có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phải được rà soát, hệ thống hóa và xây dựng thành cơ sở dữ liệu để phục vụ cho công tác soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản QPPL và hoạt động quản lý nhà nước của Ủy ban.

2. Văn phòng Ủy ban, Trung tâm thông tin và các Vụ, đơn vị có liên quan xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu văn bản QPPL về công tác dân tộc; thường xuyên cập nhật, bổ sung kịp thời những văn bản QPPL mới ban hành, thực hiện tin học hóa cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, khai thác, sử dụng.

Chương II

LẬP CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 5. Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Chương trình xây dựng văn bản QPPL bao gồm:

a) Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo nhiệm kỳ của Quốc hội (sau đây gọi là luật, pháp lệnh); chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm mà Ủy ban được phân công chủ trì soạn thảo;

b) Chương trình xây dựng nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ hàng năm theo yêu cầu quản lý nhà nước về công tác dân tộc mà Ủy ban được phân công chủ trì soạn thảo;

c) Chương trình xây dựng văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm.

2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm phê duyệt chương trình xây dựng văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành.

Điều 6. Trách nhiệm của các Vụ, đơn vị trong việc chuẩn bị đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định

1. Gửi đề nghị:

a) Trước ngày 15 tháng 02 năm đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội, các Vụ, đơn vị được giao chủ trì xây dựng luật, pháp lệnh gửi hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo nhiệm kỳ của Quốc hội đến Vụ Pháp chế;

b) Chậm nhất là 125 (một trăm hai mươi lăm) ngày trước ngày 01 tháng 3 của năm trước năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Vụ, đơn vị được giao chủ trì xây dựng luật, pháp lệnh gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm trên cơ sở chương trình của cả nhiệm kỳ Quốc hội và cả những luật, pháp lệnh chưa có trong chương trình đến Vụ Pháp chế;

c) Trước ngày 30 tháng 6 của năm trước năm dự kiến ban hành, các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban được phân công chủ trì soạn thảo gửi đề nghị xây dựng nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ đến Vụ Pháp chế.

2. Hồ sơ đề nghị tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 24/2009/NĐ-CP. Đề nghị xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hàng năm thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ngoài các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định do các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban trực tiếp đề nghị xây dựng, Vụ Pháp chế đề xuất những văn bản có nội

dung tổng hợp, văn bản lồng ghép các nội dung về công tác dân tộc hoặc những văn bản cần thiết khác do tổ chức, cá nhân kiến nghị theo căn cứ và yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định không đáp ứng các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này thì Vụ Pháp chế yêu cầu các Vụ, đơn vị bổ sung, hoàn chỉnh đề nghị.

Điều 7. Lập, gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định và quyết định

1. Trong thời hạn 20 (hai mươi ngày), kể từ ngày hết hạn gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này, Vụ Pháp chế lập dự thảo đề nghị của Ủy ban về xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định.

2. Vụ trưởng Vụ Pháp chế tổ chức cuộc họp với sự tham gia của các Vụ, đơn vị có liên quan để xem xét dự thảo đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định; Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuyết trình về những vấn đề liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản QPPL của mình.

3. Vụ Pháp chế tổ chức phản biện khoa học đối với đề cương của dự án luật, pháp lệnh; đề cương dự thảo nghị quyết, nghị định, quyết định trong trường hợp xét thấy cần thiết.

4. Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm dự thảo đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định.

5. Gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định:

a) Sau khi được Bộ trưởng, Chủ nhiệm phê duyệt, Văn phòng Ủy ban có trách nhiệm gửi đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định đến Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ;

b) Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo nhiệm kỳ của Quốc hội được gửi đến Bộ Tư pháp, chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội. Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm được gửi đến Bộ Tư pháp, chậm nhất là 105 ngày trước ngày 01 tháng 3 của năm trước năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Đề nghị xây dựng nghị định, quyết định hàng năm được gửi đến Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 8 của năm trước.

Điều 8. Trách nhiệm của các Vụ, đơn vị trong việc đề nghị xây dựng thông tư, thông tư liên tịch thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm

1. Gửi đề nghị

a) Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban lập danh mục thông tư, thông tư liên tịch dự kiến xây dựng ban hành trong năm gửi Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch Tài chính trước ngày 30 tháng 6 của năm trước năm dự kiến ban hành để lập dự trù kinh phí;

b) Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban dự kiến chương trình xây dựng thông tư, thông tư liên tịch trình Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm phụ trách cho ý kiến, gửi Vụ Pháp chế trước ngày 01 tháng 11 của năm trước năm dự kiến ban hành để trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm phê duyệt;

Ngoài các văn bản trên, Vụ Pháp chế đề xuất những thông tư, thông tư liên tịch có nội dung tổng hợp, lồng ghép về công tác dân tộc.

2. Đề nghị xây dựng thông tư, thông tư liên tịch phải nêu rõ sự cần thiết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Vụ, đơn vị chủ trì soạn thảo và phối hợp; dự kiến thời gian trình; nguồn lực tài chính, nhân lực và các nguồn lực, điều kiện khác bảo đảm cho việc soạn thảo văn bản theo Mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với đề nghị xây dựng văn bản không đáp ứng đầy đủ nội dung nêu trên, Vụ Pháp chế yêu cầu các Vụ, đơn vị bổ sung, hoàn chỉnh.

Điều 9. Đề nghị điều chỉnh việc xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Trong trường hợp cần bổ sung việc xây dựng văn bản QPPL để ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; cần điều chỉnh tiến độ và thời gian trình, thay đổi tên gọi, điều chỉnh phạm vi, nội dung cơ bản của văn bản hoặc đưa ra khỏi chương trình đối với những văn bản không bảo đảm tiến độ và chất lượng soạn thảo hoặc chưa cần thiết phải ban hành, Vụ, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo gửi văn bản báo cáo Lãnh đạo Ủy ban phụ trách.

2. Lãnh đạo Ủy ban phụ trách xem xét, quyết định việc đề xuất thay đổi. Sau khi có ý kiến của Lãnh đạo Ủy ban, Vụ, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo phối hợp với Văn phòng Ủy ban, Vụ Pháp chế dự thảo văn bản kiến nghị trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

Trường hợp kiến nghị đưa ra khỏi chương trình, văn bản kiến nghị phải kèm theo tờ trình nêu rõ lý do đưa ra khỏi chương trình, phương hướng và thời gian giải quyết.

3. Trong trường hợp kiến nghị bổ sung, điều chỉnh được chấp thuận, Vụ Pháp chế phối hợp với Văn phòng Ủy ban đăng ký việc bổ sung, điều chỉnh chương trình xây dựng văn bản với Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ.

Điều 10. Bổ sung, điều chỉnh chương trình xây dựng thông tư, thông tư liên tịch thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm

1. Căn cứ bổ sung, điều chỉnh chương trình

a) Nghị quyết của Quốc hội về điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

b) Chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ nhiệm;